

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2022/HNGĐ-ST

Ngày 03-6-2022

V/v ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hiền

Ông Lê Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Bảo C, sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn, huyện T, tỉnh C ..

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/01/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Bảo C trình bày: Bà và ông Nguyễn Chí T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 21/4/2009. Quá trình chung sống, lúc đầu hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ly thân khoảng 02 năm nay. Nay bà xác định không còn tình cảm nên xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Chí Nam, sinh ngày 24/3/2000 và cháu Nguyễn Chí Đạt, sinh ngày 21/02/2007, hiện nay con đang sống chung với

bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Chí T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng ông Nguyễn Chí T vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng ông Nguyễn Chí T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định. Bà C yêu cầu được ly hôn nên xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía, bằng tình nghĩa, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện công việc trong gia đình. Nay bà C xác định không còn tình cảm với ông T nên chị không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông T. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng để ông T tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà C. Điều đó chứng tỏ ông T đã không quan tâm đến việc hòa giải hàn gắn đoàn tụ cũng như bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình. Xét thấy, hôn nhân của bà C và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, bà C được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà C có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Chí Đạt, sinh ngày 21/02/2007 và hiện nay con đang sống chung với bà, cháu Nguyễn Chí Nam, sinh ngày 24/3/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu nên

Hội đồng xét xử không xem xét. Xét thấy con chung của bà C, ông T đang sinh sống cùng bà C, cuộc sống đang ổn định và cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C về việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do không ghi nhận được ý kiến của ông T, nếu sau này có phát sinh tranh chấp ông T có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Bảo C được ly hôn với ông Nguyễn Chí T. Giấy chứng nhận kết hôn số 89, Quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời cấp ngày 21/4/2009 không còn hiệu lực.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Chí Đạt, sinh ngày 21/02/2007 cho bà C trực tiếp tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 01/3/2022 bà C đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0004474 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được đối trừ, bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Sông Đốc (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Đoan